

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/HS-ST

Ngày: 13 – 5 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Tín

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Thuận – Giáo viên trường THPT Trần Văn Ôn.
2. Ông Nguyễn Đức Nhuận – Cán bộ hưu trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2021/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Quốc B, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2003 tại H; nơi cư trú: Ấp S, xã Đ, thành phố N, tỉnh H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 và bà Hà Thị Đ, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2020 cho đến nay. Có mặt.

2/ Mai Ngọc T, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2004 tại S; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh S; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Hoài N, sinh năm 1979 và bà Võ Thị H (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2020 đến ngày 04/10/2020. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2021 cho đến nay. Có mặt.

**- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quốc B:**

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 và bà Hà Thị Đ, sinh năm 1979; cùng trú tại: Ấp S, xã Đ, thành phố N, tỉnh H. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Mai Ngọc T:

1. Ông Mai Trường G, sinh năm 1979; địa chỉ: 60/1B khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Mai Võ T, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh S. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc B và Mai Ngọc T: Ông Cao Ngọc L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. Có mặt.

- Bị hại: Ông Hồ Trung Th, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp 2, xã X, huyện X, tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp S, xã Đ, thành phố N, tỉnh H. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 2000; địa chỉ: 263B khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Mai Ngọc T rủ Nguyễn Quốc B đi cướp giật tài sản để bán thì Bảo đồng ý. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 24 tháng 9 năm 2020, bị cáo B điều khiển xe mô tô biển số 95E1 – 607.17 chở T đi tìm tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đến trước số nhà 1/23A đường A thuộc khu phố H, phường B, thành phố T, tỉnh B, B và T nhìn thấy ông Hồ Trung Th đang điều khiển xe mô tô cùng chiều phía trước đang để một điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng giữa quai nón bảo hiểm bên tai trái để nghe điện thoại. B liền điều khiển xe mô tô vượt lên ép sát bên trái anh Th còn T dùng tay phải giật lấy điện thoại di động của anh Th nhưng điện thoại rơi xuống đường. B điều khiển xe mô tô chở T bỏ chạy, anh Th nhặt điện thoại lên rồi điều khiển xe mô tô đuổi theo B và T, khi đến trước cổng khu công nghiệp V thuộc khu phố X, phường B, thành phố T, tỉnh B thì phát hiện các bị cáo đang lưu thông cùng chiều phía trước nên anh Th vượt lên ép đầu xe của các bị cáo đồng thời tri hô cho người dân hỗ trợ bắt giữ và đưa các bị cáo về trụ sở Công an.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 02/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, 64Gb màu trắng có giá trị 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 107/CT-VKS -TA ngày 11/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc B và Mai Ngọc T về tội

“Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Quốc B từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Mai Ngọc T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, 64Gb màu trắng là tài sản hợp pháp của bị hại Hồ Trung Th nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Th là đúng pháp luật;

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150C màu đỏ-đen biển số 95E1 – 60717. Qua xác minh chủ sở hữu chiếc xe này là ông Nguyễn Văn T, cha ruột của bị cáo B, ông T cho Nguyễn Quốc V là anh ruột của bị cáo B để làm phương tiện đi lại. Ngày 24/9/2020, Nguyễn Quốc B điều khiển xe này chở anh V đón xe khách về quê, sau đó anh V nhờ B đem chiếc xe về phòng trọ cất. Việc B sử dụng xe này thực hiện hành vi phạm tội, ông T và anh V đều không biết, do đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả cho ông Tâm là phù hợp.

Ý kiến của người bào chữa và người đại diện của bị cáo B và T: Thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình, làm người có ích cho xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Quốc V xác định đã nhận lại chiếc xe trên và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quốc B và Mai Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo tại phiên tòa. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trước số nhà 1/23A đường X thuộc khu phố khu phố H, phường B, thành phố T, tỉnh B, bị cáo Nguyễn Quốc B và Mai Ngọc T đã thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô biển số 95E1 – 607.17 và cướp giật tài sản của bị hại Hồ Trung Th là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, 64Gb màu trắng, qua định giá có giá trị là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng). Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc B và Mai Ngọc T phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Theo bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1344/C09B ngày 03/3/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố H kết luận: Tại thời điểm giám định (tháng 3 năm 2021), Nguyễn Quốc B có độ tuổi từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng, đồng thời theo Giấy khai sinh của Nguyễn Quốc B thể hiện bị cáo B sinh ngày 07 tháng 12 năm 2003 (đăng ký quá hạn), phù hợp với kết luận giám định. Như vậy, tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì B đã trên 17 tuổi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này.

[2.3] Theo Giấy khai sinh bị cáo Mai Ngọc T sinh ngày 03 tháng 11 năm 2004. Đồng thời căn cứ các tài liệu do Trạm y tế xã Đ, huyện K, tỉnh S cung cấp phù hợp với lời khai của người thân bị cáo, xác định bị cáo T sinh ngày 03/11/2004. Như vậy, tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã 15 tuổi 10 tháng 21 ngày, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm này.

[2.4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tư lợi, muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần xử phạt mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về vai trò, đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người chủ mưu, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, còn bị cáo B là người giúp sức điều khiển xe chở bị cáo T thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo còn trẻ tuổi trình độ học vấn thấp, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo B, và áp dụng khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

[7] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo B là phù hợp, tuy nhiên mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo T là nghiêm khắc, vì bị cáo T thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự, mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với bị cáo không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định, do đó cần xử phạt bị cáo T mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến của người bào chữa và người đại diện của bị cáo B và T là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, 64Gb màu trắng là tài sản hợp pháp của bị hại Hồ Trung Th nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Th là đúng pháp luật.

- Đối với 01 Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150C màu đỏ-đen biển số 95E1 – 60717. Qua xác minh chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn T là cha ruột của Nguyễn Quốc B. Sau đó ông T cho Nguyễn Quốc V là anh ruột của bị cáo B để làm phương tiện đi lại. Ngày 24/9/2020, Nguyễn Quốc B điều khiển xe này chở anh V đón xe khách về quê, sau đó nhờ B đem chiếc xe này về phòng trọ cất. Việc B sử dụng xe này thực hiện hành vi phạm tội, ông T và anh V đều không biết, do đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả cho ông T là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc B và Mai Ngọc T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2020.

- Xử phạt bị cáo Mai Ngọc T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2020 đến ngày 04/10/2020.

2. Về án phí:

Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc B và Mai Ngọc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trung Tín**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi      giờ      ngày 10 tháng 3 năm 2021;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Từ Minh Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Ngọc Sương và bà Tôn Thị Ngọc Sang.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2021/TLST- HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 đối với:

Bị cáo Lương Văn Quang, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2002 tại Yên Bái.

*Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC  
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

2. Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; các tài liệu, chứng cứ do các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

3. Về tội danh: Căn cứ vào khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Lương Văn Quang phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

4. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lương Văn Quang 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2020

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

5. Về xử lý vật chứng: Không đề cập.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lương Văn Quang phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

7. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

8. Các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

9. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không có.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

10. Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

11. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi        giờ        phút, ngày        tháng        năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ        THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Từ Minh Toàn**



Số: /2021/HSST-QĐTG

*Thuận An, ngày 13 tháng 5 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Tín.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhuận và ông Huỳnh Hoàng Thuận.*

Căn cứ Điều 109, 113, 119 và 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Biên bản nghị án ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1**

Tạm giam bị cáo Nguyễn Quốc Bảo, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2003 tại Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp Sơn Phú I, xã Đại Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Bị Toà án cấp sơ thẩm xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Thời hạn tạm giam là 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Điều 2**

Nhà tạm giữ Công an thành phố Thuận An có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Công an thành phố Thuận An;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Bị cáo;
- Lưu: HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trung Tín**